

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:142/2017/DS-PT
Ngày 18-8-2017
V/v tranh chấp chia di sản thừa
kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Thu Trang

Bà Phạm Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông **Võ Phú** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2017/TLPT-DS ngày 24/4/2017 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2017/QĐPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Chối S**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn N** của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn N thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng D1**, sinh năm 1970;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư **Nguyễn Văn N** của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn N thuộc đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh.

3.2 Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.3 Ông **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3.4 Ông **Nguyễn Văn D2**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.5 Cụ **Phan Thị C**, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.6 Bà **Nguyễn Kim M**, sinh năm 1972, vắng mặt.

3.7 Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1967, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

3.8 Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Chói S; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/5/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Chói S trình bày:

Cha ông tên là cụ Nguyễn Văn B2, sinh năm 1933 chết năm 2012 và mẹ là cụ Đặng Thị A, sinh năm 1935 chết năm 1984. Cụ B2, cụ A có tất cả 09 người con gồm: Nguyễn Thị T, sinh năm 1955, Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, Nguyễn Văn B1, sinh năm 1967, Nguyễn Chói S, sinh năm 1966, Nguyễn Văn D2, sinh năm 1968, Nguyễn Hồng D1, sinh năm 1970. Ngoài ra còn 03 người con, nhưng đã chết từ khi còn nhỏ Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn L, không có thừa kế thế vị.

Cha, mẹ chết không để lại di chúc. Khi còn sống cụ B2 và cụ A có tạo lập được các tài sản gồm:

- 01 phần đất có diện tích là 748 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là giấy CNQSDĐ) do cụ B2 đứng tên, thực tế qua đo đạc có diện tích 1.244,8 m², tọa lạc tại: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh. Trên đất có căn nhà xưa, hiện nay nhà và đất không ai quản lý sử dụng.

- Các vật dụng trong nhà gồm:

+ 02 bộ ván.

+ 02 tủ thờ gỗ (01 tủ thờ gỗ Trắc, 01 tủ thờ gỗ Cẩm): Hiện nay 01 tủ thờ tại nhà ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh là gỗ Trắc. 01 tủ thờ gỗ Cẩm thì đang ở nhà ông S.

+ 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Trắc (gồm 01 cái bàn dài và 06 cái ghế).

+ 02 bộ lư bằng đồng: 01 bộ ông S giữ, 01 bộ ông B1 giữ.

+ 01 chiếc xe Dream Trung Quốc mang biển số 70H-xxxx, hiện nay ông D1 đang sử dụng.

+ 01 cây tủ búp phê do ông S sử dụng.

Ngoài ra còn một phần đất ruộng tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ. Do đó những người thừa kế không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Cụ B2, cụ A không còn tài sản nào khác.

Nay ông khởi kiện yêu cầu chia di sản do cha mẹ ông để lại, cụ thể như sau: Phần đất diện tích 748 m² (hiện trạng thực tế chưa trừ lộ giới khoảng 1.244,8m²) 01 căn nhà ngói. Ngày 05/7/2016, ông có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia thừa kế đối với 02 bộ ván cây gỗ chia thành 06 phần cho các anh em. Đối với những tài sản khác thì ông không yêu cầu chia. Nay ông D1 yêu cầu chia thì ông đồng ý và yêu cầu được nhận 01 cây tủ thờ, 02 bộ lư đồng, 01 bộ bàn ghế gỗ Trắc và đồng ý hoàn tiền chênh lệch cho những người thừa kế khác. Đối với các cây trái gắn liền trên đất ông không tranh chấp, nếu phần di sản người thừa kế được hưởng là phần đất nào thì được hưởng tương ứng với cây trái trên đất đó.

Đối với yêu cầu của ông D1 yêu cầu những người thừa kế có trách nhiệm cùng thanh toán cho ông D1 số tiền mượn của ông Phan Văn L 40.000.000 đồng để điều trị bệnh cho cụ B2 thì ông không đồng ý vì số tiền để điều trị bệnh cho cụ B2 là do cụ dành dụm. Mặt khác, khi đó cụ C là vợ sau của cụ B2 đi làm thêm để có tiền lo tiền thuốc cho cha ông và anh em ông đã bán 02m ngang đất sau nhà, dài hết đất cho chị Nguyễn Kim M, anh Trần Văn T với giá 12.000.000 đồng để điều trị bệnh cho cha, hoàn toàn không có việc mượn tiền của ông L. Nên nay ông không đồng ý trả số tiền này cho ông D1.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà ông D1 trả thay cho cha tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh huyện H, tỉnh Tây Ninh, là do ông D1 mượn ruộng của cha làm nên đưa cho cha tiền mượn ruộng là

10.000.000 đồng và đem trả thay tại Ngân hàng. Nhưng ông không có chứng cứ về việc cho mượn ruộng. Nay ông đồng ý trả cho ông D1 số tiền này trước khi chia di sản thừa kế.

Tại bản tự khai ngày 3/11/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Hồng D1 trình bày:

Ông thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về cha mẹ, thời điểm cha mẹ chết và các anh chị em của ông là đúng.

Cha, mẹ chết không để lại di chúc. Khi còn sống cụ B2 và cụ A có tạo lập được các tài sản như nguyên đơn trình bày.

Ngoài ra còn một phần đất ruộng tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ. Do đó những người thừa kế không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Ngoài ra, Cụ B2, cụ A không còn tài sản nào khác.

Ông S khởi kiện chỉ yêu cầu chia phần đất, căn nhà và 02 bộ ván, không yêu cầu chia tài sản khác. Ngày 04/11/2016, ông có đơn yêu cầu phản tố chia thêm nhưng tài sản khác gồm:

+ 02 tủ thờ gỗ (01 tủ thờ gỗ Trắc, 01 tủ thờ gỗ Cẩm): Hiện nay 01 tủ thờ tại nhà ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh là gỗ Trắc. 01 tủ thờ gỗ Cẩm thì đang ở nhà ông S.

+ 01 bộ bàn ghế bằng gỗ Trắc (gồm 01 cái bàn dài và 06 cái ghế).

+ 02 bộ lư bằng đồng: 01 bộ ông S giữ, 01 bộ ông B1 giữ.

+ 01 chiếc xe Dream Trung Quốc mang biển số 70H-xxxx, hiện nay ông D1 đang sử dụng.

+ 01 cây tủ búp phê do ông S sử dụng.

Khi cha ông còn sống có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện H số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi cụ B2 mất ông đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và lãi là 1.258.861 đồng. Mặt khác, khi cha bệnh thì ông có mượn của ông Phan Văn L số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 10/3/2011 để điều trị bệnh cho cha. Đến ngày 15/3/2012, ông đã trả tiền cho ông L xong. Nay ông yêu cầu trước khi chia thừa kế thì những người thừa kế phải trả lại cho ông 10.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả tiền lãi và 40.000.000 đồng tiền mượn ông L, tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, ông yêu cầu chia 07 phần gồm 06 phần của những người thừa kế và 01 phần là sử dụng vào việc thờ cúng cha mẹ, ông là con út nên xin nhận phần thờ cúng này. Hiện nay, ông chưa có nhà ở nên yêu cầu nhận bằng hiện vật: phần đất, 01 căn nhà ngói xưa, 02 bộ ván, 01 xe Dream Trung Quốc nhãn hiệu DRUM, biển số 70H-xxxx do cụ Nguyễn Văn B2 đứng tên đăng ký sử dụng, 01 cây tủ thờ gỗ và đồng ý hoàn tiền chênh lệch cho những thừa kế khác.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- **Bà Nguyễn Thị T trình bày:** Bà thống nhất lời trình bày của ông S và ông D1 về cha mẹ, thời điểm cha mẹ chết, những người thừa kế và tài sản khi còn sống của cụ B2 và cụ A có tạo lập được. Cha, mẹ bà chết không để lại di chúc. Nay ông S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, bà yêu cầu chia đều 6 phần cho các anh chị em, không đồng ý chia 07 phần, dùng 01 phần để thờ cúng cha mẹ vì thờ cúng cha mẹ là tự nguyện của các con.

Đối với yêu cầu của ông D1 yêu cầu những người thừa kế có trách nhiệm cùng thanh toán cho ông D1 số tiền mượn ông L 40.000.000 đồng để điều trị bệnh cho cha và 10.000.000 đồng tiền trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện H, tổng cộng 50.000.000 đồng thì bà đồng ý trước khi chia thừa kế thì trả lại cho ông D1 10.000.000 đồng. Riêng tiền điều trị bệnh cho cha là do anh em bà đã bán 02m ngang đất sau nhà cho vợ chồng chị Nguyễn Kim M với giá 12.000.000 đồng, hoàn toàn không có việc mượn tiền của ông L 40.000.000 đồng để điều trị bệnh cho cha như ông D1 trình bày. Nên nay bà không đồng ý trả số tiền này cho ông D1.

- **Ông Nguyễn Văn B1 trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của bà T. Ông chỉ đồng ý thanh toán cho ông D1 10.000.000 đồng tiền trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện H.

Ông yêu cầu chia di sản do cha chết để lại thành 06 phần cho 06 anh em mỗi người một phần. Những thừa kế được chia bằng hiện vật thì thanh toán tiền chênh lệch cho những người còn lại.

- **Ông Nguyễn Văn T trình bày:** Ông thống nhất lời trình bày của ông S, ông D1 về thời điểm cha mẹ chết, những người thừa kế và di sản cha mẹ chết để lại. Cha mẹ ông là cụ B2 và cụ A, chết không để lại di chúc. Khi cụ B2 bệnh không có tiền điều trị thì ông D1 mượn tiền của ông L 40.000.000 đồng để trị bệnh cho cha. Ông D1 còn trả tiền cho Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện H 10.000.000 đồng mà trước đó cụ B2 đã

vay. Nay ông yêu cầu các em anh phải trả cho D1 50.000.000 đồng trước khi chia di sản thừa kế.

Đối với phần di sản của cha ông chết để lại thì ngày 04/11/2016, ông yêu cầu chia các tài sản như ông D1 trình bày. Ông yêu cầu chia làm 07 phần bằng nhau, mỗi người 01 phần, còn 01 phần là sử dụng vào việc thờ cúng, ông D1 là con út trong gia đình giao cho ông D1 nhận phần thờ cúng cha mẹ và xây mộ mã ông bà. Ông đồng ý cho toàn bộ phần tài sản mà mình được hưởng thừa kế cho ông D1 và ông D1 phải có nghĩa vụ đối với phần tài sản này.

- **Ông Nguyễn Văn D2 trình bày:** Ông thống nhất với lời trình bày của ông T, ông yêu cầu những người thừa kế phải trả cho D1 50.000.000 đồng trước khi chia di sản thừa kế. Đối với phần di sản của cha ông chết để lại thì ngày 04/11/2016 ông yêu cầu chia các tài sản như ông D1 trình bày. Ông yêu cầu chia làm 07 phần bằng nhau, mỗi người 01 phần, còn 01 phần là sử dụng vào việc thờ cúng, ông D1 là con út trong gia đình giao cho ông D1 nhận phần thờ cúng cha mẹ và xây mộ mã ông bà.

Ông đồng ý cho toàn bộ phần tài sản mà mình được hưởng thừa kế cho ông D1 và ông D1 phải có nghĩa vụ đối với phần tài sản này.

- **Cụ Phan Thị C trình bày:** Sau khi vợ cụ B2 chết, khoảng năm 1985 cụ chung sống như vợ chồng với cụ B2. Cụ là người trực tiếp chăm sóc cụ B2 khi cụ B2 bệnh.

Năm 2010, cụ B2 bệnh, cụ có để dành được 03 chỉ vàng 24K để trị bệnh. Đến năm 2011, cụ B2 và cụ có bán cho vợ chồng chị Nguyễn Kim M, anh Trần Văn T 02m ngang sau nhà, dài hết đất được 12.000.000 đồng giao cho ông B1 giữ để lo tiền thuốc cho cụ B2. Khi chuyển nhượng đất có làm giấy tay giao cho vợ chồng chị Minh. Cụ C xác định không có việc ông D1 mượn tiền của người khác lo bệnh cho cụ B2, vì lúc đó cụ C là người trực tiếp chăm sóc cho cụ B2. Nay cụ C không yêu cầu chia di sản của cụ B2 chết để lại, cũng không có bất kỳ yêu cầu gì khác.

- **Chị Nguyễn Kim M, anh Trần Văn T trình bày:** Anh, chị là hàng xóm gần nhà của cụ Nguyễn Văn B2. Năm 2009, cụ B2 có sang nhượng cho vợ chồng chị một phần đất có chiều ngang 02m, dài hết đất phía sau nhà cụ B2 với giá 12.000.000 đồng để cụ B2 điều trị bệnh. Ngày 12/7/2011, vợ chồng chị đã thanh toán xong số tiền chuyển nhượng 12.000.000 đồng cho ông B1 con cụ B2. Hiện nay anh chị giữ giấy tay sang nhượng đất. Anh, chị chưa đăng ký kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Từ khi mua đất cho đến nay thì không ai tranh chấp, chị rào hàng rào xong. Nay anh chị không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào có tranh chấp anh chị sẽ yêu cầu giải quyết sau.

- Bà Lê Thị Thu H trình bày: Năm 1999, bà và ông D1 kết hôn, sau khi kết hôn bà và ông D1 chung sống với cụ B2, cụ C. Khi cụ B2 bệnh vợ chồng bà có mượn của ông Phan Văn L số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 10/03/2011 để điều trị bệnh cho cụ B2. Đến ngày 15/03/2012 vợ chồng bà đã trả tiền cho ông L xong. Ngoài ra khi cụ B2 còn sống có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện H 10.000.000 đồng vợ chồng bà đã trả tiền cho cụ B2 tại ngân hàng xong.

Nay những người thừa kế của cụ B2 yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ B2 chết để lại, bà không có ý kiến gì, bà chỉ yêu cầu trước khi chia thừa kế thì những người thừa kế thanh toán cho vợ chồng bà số tiền 40.000.000 đồng mượn của ông L và 10.000.000 đồng trả nợ cho ngân hàng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào các Điều 609; 612; 613; 615; 649; 651 Bộ luật Dân sự. Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL – UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Chói S.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hồng D1.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D2.

2. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn B2 và cụ Đặng Thị A được chia như sau:

Ông Nguyễn Chói S được quyền sử dụng:

- 01 bộ bàn cây kích thước ngang 0,75m; dài 1,6m; Cao 0,8m và 06 ghế dài gỗ. Ông B1 đang giữ.

- 01 bộ lư đồng xưa hiện ông B1 đang giữ.

- 01 bộ lư đồng ông S đang giữ.

- 01 cây tủ úp phê (tủ ly) cao 1,05m; ngang 1,55m; rộng 0,5m; mặt trước kính 0,43m x 0,95m; mặt trên có kính 0,5m x 1,55m ông S đang giữ.

- 01 cây tủ thờ bằng gỗ có kích thước: Chiều cao 1,5m; Ngang 1,4m; rộng 0,5m ông S đang giữ.

Tổng trị giá tài sản ông S nhận là 10.400.000 đồng.

Ông Nguyễn Hồng D1 được quyền sở hữu, sử dụng đất và tài sản trên phần đất tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh cụ thể như sau:

- Phần đất có diện tích 1.244,8 m² trong đó có 300m² đất thổ cư; đất thuộc thửa 109 (244), tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận:

- Đông giáp đường đất 10m, có chiều dài 25,86m;
- Tây giáp đất chị Nguyễn Kim M, có chiều dài 28,57m;
- Nam giáp lộ 10m, có chiều dài 45,91m;
- Bắc giáp đất bà Đặng Thị B, có chiều dài 48,15m.

- Trên đất có căn nhà ngói xưa có diện tích ngang 12,6m, dài 8,6m = 108,36m².

- 02 bộ ván (01 bộ ván gỗ sai có kích thước (2,2m x 1,8m); 01 bộ ván gỗ dầu có kích thước (2,2m x 1,4m).

- 01 xe Dream Trung Quốc nhãn hiệu DRUM biển số 70H8-xxxx mang tên Nguyễn Văn B2.

- 01 cây tủ thờ gỗ kích thước ngang mặt trước 1,4m, ngang hông 0,5m, chiều cao 1,5m.

Tổng tài sản ông D1 nhận trị giá 316.955.600 đồng.

Cây ăn trái và cây khác gồm: 10 bụi tầm vong, 02 cây gòn, 01 bụi tre măng tông, 10 bụi trúc, 05 cây dừa, 07 cây mít, 01 cây bưởi, 01 cây nhãn, 02 cây xoài, 01 cây vú sữa, 03 cây trà, 01 cây chùm ruột, 01 cây me, 03 cây lê ki ma; 01 nhà bếp tạm đã hư hỏng nặng không còn giá trị sử dụng (các đương sự thống nhất không định giá nên Hội đồng xét xử không định giá).

Ông Nguyễn Hồng D1 có trách nhiệm giao lại cho:

Ông Nguyễn Chối S số tiền 40.825.933 đồng.

Bà Nguyễn Thị T số tiền 51.225.933 đồng.

Ông Nguyễn Văn B1 số tiền 51.225.933 đồng.

Ông B1 có trách nhiệm giao lại cho ông S: 01 bộ bàn cây kích thước ngang 0,75m; dài 1,6m; Cao 0,8m và 06 ghế đai gỗ; 01 bộ lư đồng xưa hiện anh B1 đang giữ.

- Ghi nhận các đương sự không tranh chấp về cây ăn trái và cây khác trên đất.

- Ghi nhận cụ Phan Thị C không yêu cầu chia di sản của cụ B2 chết để lại, cũng không có bất kỳ yêu cầu gì khác.

- Ghi nhận ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D2 cho phần thừa kế mà mình được hưởng cho ông Nguyễn Hồng D1.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất từ cụ Nguyễn Văn B2 qua cho ông Nguyễn Hồng D1 và kê khai đăng ký cho phù hợp với quyết định của bản án này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/3/2017, ông Nguyễn Chói S và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu được chia hiện vật di sản do cha chết để lại là phần đất tranh chấp diện tích 1.244,8m².

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S và bà T trình bày: Tại phiên tòa ông D1 trình bày ông có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L huyện H, tuy nhiên Tòa án nhân dân huyện H có quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C là không phù hợp theo quy định. Sau khi họp công khai chứng cứ, phía bị đơn có đơn phản tố được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là vi phạm Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông S và bà T kháng cáo yêu cầu được chia hiện vật là phù hợp theo quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 1.244,8m² (bao gồm diện tích đất quy hoạch), diện tích đất sau khi đo đạc được cơ quan có thẩm quyền thẩm định diện tích đất thực tế còn lại là 1.068,5m² và tại phiên tòa các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp 1.068,5m². Diện tích đất tranh chấp chia hiện vật chia theo yêu cầu của ông S, bà T là 3,78m ngang, nếu chia cho ông S, bà T diện tích trên là chưa đảm bảo diện tích đất sử dụng theo quy định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông D1 được quyền sử dụng phần đất tranh chấp bao gồm diện tích đất quy hoạch, không nằm trong giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và không có đền bù là chưa chính xác, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà T, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Chói S, bà Nguyễn Thị T yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật là đất tranh chấp thì thấy rằng:

[1] Về những người thừa kế: Cụ Nguyễn Văn B2 (chết năm 2012) và cụ Đặng Thị A (chết năm 1984) có các con gồm: ông Nguyễn Văn B1, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D2, ông Nguyễn Chói S, ông Nguyễn Hồng D1, bà Nguyễn Thị T. Sau khi cụ A chết, cụ B2 chung sống với cụ Phan Thị C nhưng cụ C không yêu cầu nhận di sản của cụ B2 chết để lại. Cụ B2, cụ A chết không để lại di chúc nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người thừa kế của cụ B2, cụ A gồm 06 người là ông B1, ông T, ông D1, ông S, ông D2, bà T là đúng pháp luật.

[2] Về di sản thừa kế của cụ B2 là phần đất diện tích 748m² thuộc thửa 109, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh do cụ Nguyễn Văn B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số xxxxxQSDĐ/D13 ngày 25/7/1994, theo sơ đồ mô tả hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 15/7/2016 thể hiện diện tích đo đạc thực tế phần đất này là 1.244,8 m² bao gồm cả phần diện tích đất quy hoạch lộ giới.

Tại Bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 11/8/2017, diện tích đất trên được phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H thẩm định xác định diện tích đất cụ B2 được sử dụng là 1.068,5 m², diện tích còn lại quy hoạch không được đền bù nằm ngoài phạm vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của cụ B2. Hơn nữa, tại biên bản thỏa thuận ngày 18/8/2017 các đương sự thống nhất di sản do cụ B2 chết để lại là diện tích đất 1.068,5m². Do đó, cần xác định di sản của cụ B2 chết để lại là quyền sử dụng diện tích đất thực tế được công nhận 1.068,5 m², có tứ cận: hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Kim M dài 22,01m + 26,14m; hướng Nam giáp đường đất dài 43,68m; hướng Tây giáp đất bà Nguyễn Kim M dài 24,06m; hướng Đông giáp đường đất dài 22,69m.

[3] Xét yêu cầu của ông S, bà T yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật diện tích đất được chia theo hướng Đông của phần đất tranh chấp thì thấy rằng: Diện đất ngang 22,69m : 6 phần thừa kế = 3,78 mét ngang/01 phần thừa kế, diện tích đất này không đủ điều kiện để tách thửa đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất theo Điều 9 của Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định về hạn mức giao đất, quy định diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa là 50m² và kích thước cạnh của thửa đất tối thiểu là 4m.

Hơn nữa, trên phần đất tranh chấp có căn nhà mái ngói xưa của cụ B2 chết để lại nằm vị trí giữa đất, có chiều ngang 13,2m, diện tích đất trống còn lại hướng bắc ngang 4,6m và hướng nam ngang 3,38m, trên chiều ngang đất 22,69m nếu chia đất thì sẽ ảnh hưởng đến việc sử dụng căn nhà. Đồng thời, xét điều kiện của ông D1 hiện nay chưa có nhà ở, các đồng thừa kế khác đã có nhà ở và quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm các đồng thừa kế cũng thống nhất giao cho ông D1 diện tích đất trên, chia di sản thừa kế bằng giá trị. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà đất cho ông D1 là phù hợp.

Tại biên bản thỏa thuận ngày 18/8/2017, các đương sự thống nhất giá trị diện tích đất 1068,5m² là 286.000.000 đồng và các tài sản trong nhà gồm 01 căn nhà ngói xưa; 01 bộ ván gỗ say; 01 bộ ván gỗ đầu; 01 cây tử thờ tại H; 01 cây tử thờ nhà ông S; 01 bộ bàn ghế cây 06 ghế; 01 bộ lư đồng tại H anh Bản đang giữ; 01 bộ lư đồng ông S đang giữ; 01 xe Dream ông D1 đang giữ; 01 tủ ly ông S đang giữ đã được Tòa án cấp sơ thẩm chia, các đương sự không kháng cáo, tổng trị giá là 41.355.600 đồng.

Tổng cộng tài sản trị giá: 327.355.600 đồng, sau khi thanh toán khoản nợ do cụ B2 chết để lại là 20.000.000 đồng. Di sản thừa kế của cụ còn lại là 307.355.600 đồng (327.355.600 đồng - 20.000.000 đồng = 307.355.600 đồng). Số này chia 6 phần = 51.225.933 đồng/1 kỷ phần.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông S, bà T. Tuy nhiên về phần di sản là diện tích đất giao cho ông D1 được quyền sử dụng là phần đất 1.068,5m² nhưng Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông D1 được quyền sử dụng đất diện tích 1.244,8m², có bao gồm diện tích đất quy hoạch lộ giới không được đền bù nằm ngoài phạm vi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của cụ B2 là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 6, 12 của Luật đất đai năm 2013. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định cây trên đất tranh chấp gồm 10 bụi tầm vong, 02 cây gòn, 01 bụi tre măng tông, 10 bụi trúc, 05 cây dừa, 07 cây mít, 01 cây bưởi, 01 cây nhãn, 02 cây xoài, 01 cây vú sữa, 03 cây trà, 01 cây chùm ruột, 01 cây me, 03 cây lê ki ma; 01 nhà bếp tạm đã hư hỏng nặng giao cho ông D1 được quyền sử dụng. Đối với cây trên đất quy hoạch thì người được giao sở hữu cây có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định pháp luật khi Nhà nước thực hiện việc quy hoạch. Ngoài ra, quyết định của Tòa án sơ thẩm tuyên diện tích căn nhà giao cho

ông D1 sử dụng không đúng với diện tích sơ đồ mô tả hiện trạng thửa đất tranh chấp (BL343). Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án như nhận định trên.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông S, bà T cho rằng Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là không đúng thẩm quyền thì thấy rằng: Qua xác minh nơi cư trú và cũng như tại phiên tòa ông D1 thừa nhận, tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án, ông D1 có hộ khẩu tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh nhưng ông D1 cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, ngày 26/9/2014, Tòa án nhân dân huyện H có quyết định số 01/QĐ-CVA chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011. Mặc khác, quyết định chuyển vụ án nêu trên được Tòa án nhân dân huyện H tổng đạt cho ông S, bà T, ông B1 vào ngày 26/9/2014 và các đương sự không khiếu nại. Ngày 01/9/2016, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ đến ngày 04/11/2016, ông D1 có đơn yêu cầu phản tố, ông T, ông D1 có đơn yêu cầu giải quyết được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là vi phạm tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bà T, ông B1 đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu của ông T, ông D1, ngày 22/12/2016 Tòa án cấp sơ thẩm có phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ lại và tại phiên tòa ông S thừa nhận các đương sự đã giao và nhận các tài sản trong nhà theo quyết định của bản án sơ thẩm xong. Mặc dù bản án sơ thẩm có sai sót nhất định về tố tụng như đã nêu nhưng không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khác nên Tòa án cấp phúc thẩm thấy không cần thiết phải hủy án mà chỉ cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm là đủ. Do đó, không chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S, bà T.

[6] Do yêu cầu kháng cáo của ông S, bà T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 mỗi người là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chối S và bà Nguyễn Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 09 tháng 03 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 609; 612; 613; 615; 649; 651 Bộ luật Dân sự. Điều 12, 106 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL – UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Chói S.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hồng D1.

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D2.

2. Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn B2 và cụ Đặng Thị A được chia như sau:

Ông Nguyễn Chói S được quyền sử dụng:

- 01 bộ bàn cây kích thước ngang 0,75m; dài 1,6m; Cao 0,8m và 06 ghế dài gỗ; 01 bộ lư đồng xưa (các tài sản này do ông B1 đang quản lý nên ông B1 có nghĩa vụ giao lại cho ông S)

- 01 bộ lư đồng; 01 cây tủ úp phê (tủ ly) cao 1,05m; ngang 1,55m; rộng 0,5m; mặt trước kính 0,43m x 0,95m; mặt trên có kính 0,5m x 1,55m; 01 cây tủ thờ bằng gỗ có kích thước: Chiều cao 1,5m; Ngang 1,4m; rộng 0,5m (các tài sản này do ông S đang quản lý).

Tổng trị giá tài sản ông S nhận là 10.400.000 đồng.

Ông Nguyễn Hồng D1 được quyền sử dụng các tài sản gồm: phần đất tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh và các tài sản trên đất do ông S, bà T, ông B1, ông D2, ông T có trách nhiệm giao lại cụ thể như sau:

- Phần đất có diện tích 1.068,5 m² trong đó có 300m² đất thổ cư; đất thuộc thửa 109 (244), tờ bản đồ số 3; tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận:

+ Bắc giáp đất chị Nguyễn Kim M dài 22,01m + 26,14m;

+ Đông giáp đường đất 10m, dài 22,69m;

+ Tây giáp đất bà Nguyễn Kim M, có chiều dài 24,06m + 5,17m;

+ Nam giáp lộ 10m, có chiều dài 43,68m;

Trên đất có căn nhà ngói xưa có diện tích ngang 13,2m, dài 8,7m = 115m² (có sơ đồ đo đạc ngày 11/8/2017 kèm theo):

- 02 bộ ván (01 bộ ván gỗ sai có kích thước (2,2m x 1,8m); 01 bộ ván gỗ dầu có kích thước (2,2m x 1,4m).

- 01 xe Dream Trung Quốc nhãn hiệu DRUM biển số 70H8-xxxx mang tên Nguyễn Văn B2.

- 01 cây tủ thờ gỗ kích thước ngang mặt trước 1,4m, ngang hông 0,5m, chiều cao 1,5 m.

Tổng tài sản ông D1 nhận trị giá 316.955.600 đồng.

Cây ăn trái và cây khác gồm: 10 bụi tầm vong, 02 cây gòn, 01 bụi tre măng tông, 10 bụi trúc, 05 cây dừa, 07 cây mít, 01 cây bưởi, 01 cây nhãn, 02 cây xoài, 01 cây vú sữa, 03 cây trà, 01 cây chùm ruột, 01 cây me, 03 cây lê ki ma; 01 nhà bếp tạm đã hư hỏng nặng không còn giá trị sử dụng. Đối với cây trên đất quy hoạch thì người được giao sở hữu cây có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định pháp luật khi Nhà nước thực hiện việc quy hoạch.

Ông Nguyễn Hồng D1 có trách nhiệm giao lại cho:

Ông Nguyễn Chối S số tiền 40.825.933 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Bà Nguyễn Thị T số tiền 51.225.933 đồng (Năm mươi một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Ông Nguyễn Văn B1 số tiền 51.225.933 đồng (Năm mươi một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Ông B1 có trách nhiệm giao lại cho ông S: 01 bộ bàn cây kích thước ngang 0,75m; dài 1,6m; Cao 0,8m và 06 ghế đai gỗ; 01 bộ lư đồng xưa hiện ông B1 đang quản lý.

Ghi nhận:

- Ghi nhận cụ Phan Thị C không yêu cầu chia đi sản của cụ B2 chết để lại, cũng không có bất kỳ yêu cầu gì khác.

- Ghi nhận ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D2 cho phần thừa kế mà mình được hưởng cho ông Nguyễn Hồng D1.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án (bà T, ông S, ông B1) có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án (ông Nguyễn Hồng D1) không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án (ông Nguyễn Hồng D1) còn phải trả cho người được thi hành án (bà T, ông S, ông B1) số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.761.000 đồng được khấu trừ trong tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000 đồng theo 02 biên lai thu tiền số 0000463 ngày 10/06/2014 và số 0017457 ngày 17/02/2017, hoàn trả lại cho ông S 2.439.000 đồng.

- Ông D1 (ông T và ông D2) phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.583.500 đồng được khấu trừ trong tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng, theo 3 biên lai thu tiền số 0017139; 0017140, 0017141 ngày 10/11/2016 còn phải nộp thêm số tiền 8.983.500 đồng (Tám triệu chín trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn B1 mỗi người phải chịu 2.761.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Hai triệu bảy trăm sáu mươi một ngàn).

+ Về chi phí đo đạc, định giá: Ông S, bà T, ông B1 mỗi người phải chịu 1.283.334 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Ông D1 phải chịu 3.850.000 đồng. Ghi nhận ông D1 đã nộp 2.200.000 đồng.

Ông S đã nộp số tiền tạm ứng chi phí đo đạc định giá 5.500.000 đồng, khấu trừ số tiền ông S phải chịu 1.283.334 đồng, ông S được nhận số tiền còn lại là 4.216.666 đồng, trong đó bà T, ông B1 mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho ông S số tiền 1.283.334 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng) và ông D1 có nghĩa vụ trả lại cho ông S số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Chói S và bà Nguyễn Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông, bà đã nộp theo biên lai thu số 0017577, 0017576 ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng KTNV;
- Lưu tập án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Phượng